

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
VÕ TRƯỜNG TOẢN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông Năm học 2020 - 2021**

T T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1394	401	370	343	280
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		379 – 94.5%	342 – 92.4%	317 – 92.4%	273 – 97.5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		22 – 5.5%	27 – 7.3%	23 – 6.7%	07 – 2.5%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	01 – 0.3%	01 – 0.3%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1394	401	370	343	280
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		189 – 47.1%	170 – 45.9%	178 – 51.9%	124 – 44.3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		136 – 33,9%	135 – 36.5%	96 – 28%	117- 41.8%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		54 – 13.5%	55 – 14.9%	63 – 18.4%	39 – 13.9%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		19 – 4.7%	10 – 2.7%	5 – 1.5%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		03 – 0.7%	0	1 – 0.3%	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		392 – 97.8%	367 – 99.1%	342 – 99.7	280 – 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		189 – 47.1%	170 – 45.9%	178 – 51.9%	124 – 44.3%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		136 – 33,9%	135 – 36.5%	96 – 28%	117- 41.8%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		18 – 4.5%	10 – 2.7%	04 – 1.16%	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		09 – 2.24%	03 – 0.8%	01 – 0.3%	00
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		7/2	1/0	0/1	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
6	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)		01	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	72	1	1	22	48
2	Cấp Thành phố	51	10	12	12	17
3	Cấp Quốc gia					

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	280				280
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	280				280
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	124 – 44.3%				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	117 – 41,7%				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	39 – 14%				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	722/694	201/200	202/168	168/175	151/129
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	40	12	4	8	16

Quận 1, ngày 01 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh